TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2024
V/v "Ly hôn giữa bà K với ông T"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Chiếu.

2. Ông Nguyễn QuAg Vinh.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông PhA Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 78/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc trAh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*<u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Võ Thị OAh K,** sinh năm 1975 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.
Bà K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 06/5/2024.
*<u>*Bị đơn*</u>*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 2, xã TT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.
Ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt tại biên bản lấy lời khai đề ngày 28/6/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/12/2023, bản tự khai ngày 06/5/2024, biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị OAh K trình bày:

Bà K với ông Nguyễn Văn T tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã TT vào năm 1996. Thời giA đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T nhiều lần ăn nhậu về đánh đập, chửi mắng, bà K cố gắng nhường nhịn không cự cải lại mong ông T thay đổi vì 02 con, nhưng ông T không thay đổi mà ngày càng bạo lực đánh đập bà nhiều hơn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà K yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung*:* Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 14/6/1998; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 29/3/2006. Cháu A và cháu V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 28/6/2024, ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông T với bà Võ Thị OAh K có tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã TT vào năm 1996. Vợ chồng không có mâu thuẫn, nay bà K yêu cầu ly hôn với ông T thì ông không đồng ý. Ông và bà K còn sống chung nhà với nhau nhưng ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quA tâm đến nhau.

Về nuôi con chung*:* Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 14/6/1998; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 29/3/2006. Hai con chung hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án "Ly hôn" là đúng quA hệ trAh chấp. QuA hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện BĐ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; Xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quA điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị OAh K đối với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 14/6/1998; Cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 29/3/2006 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Võ Thị OAh K, bị đơn Nguyễn Văn T đều có yêu cầu xin vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Bà Võ Thị OAh K với ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã TT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre nên quA hệ hôn nhân giữa bà K với ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, hai người đều có cuộc sống riêng, không còn quA tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai, cũng như biên bản lấy lời khai của bà K và ông T cũng như trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa bà K với ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Vợ chồng bà K, ông T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay.

Trong quá trình tố tụng, Toà án đã triệu tập bà K với ông T để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà K

với ông T đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ, chồng giữa bà K và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà K là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 14/6/1998; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 29/3/2006 . Các con chung đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quA điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Võ Thị Onah K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị OAh K với ông Nguyễn Văn T.

Cho ly hôn giữa bà Võ Thị OAh K với ông Nguyễn Văn T.

QuA hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị OAh K với ông Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 14/6/1998 ; cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 29/3/2006. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Võ Thị OAh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003344 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà Võ Thị OAh K đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà Võ Thị OAh K, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TT
(Số 01 ngày 19/4/1996);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi